UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2767 /UBND-CN V/v triển khai thực hiện văn bản của Trung ương	*Đắk Lắk, ngày 24 tháng 4 năm 2015*

Kính gửi: Các Sở, ngành, địa phương liên quan.

Triển khai thực hiện văn bản của Trung ương ban hành, gồm:

1. Văn bản của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách.

2. Văn bản của Bộ Giao thông vận tải:

- Thông tư số 05/2015/TT-BGTVT ngày 30/3/2015 quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị.

- Thông tư số 06/2015/TT-BGTVT ngày 02/4/2015 quy định về vùng hoạt động của tàu biển chở hàng trong Vịnh Bắc Bộ.

- Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07/4/2015 quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải.

3. Văn bản của Bộ Công Thương: Quyết định số 3491/QĐ-BCT ngày 13/4/2015 về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Các văn bản này đăng tải trên các cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải hoặc Bộ Công Thương và của tỉnh Đắk Lắk (**www.daklak.gov.vn** tại mục **Văn bản pháp quy**).

UBND tỉnh giao cho các Sở, ngành, địa phương liên quan căn cứ nội dung văn bản; chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, tình hình thực tế để khai thác sử dụng và tổ chức thực hiện, đồng thời tham mưu UBND tỉnh đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

Nhận được Công văn này, các ngành, các cấp liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận : - CT, các PCT UBND tỉnh (báo cáo); - Các Sở: GTVT, CT, XD, TC, KH&ĐT, TN&MT; - UBND các huyện, TX, TP; - Chánh, các PCVP UBND tỉnh; - TT Thông tin & CB (để đăng tải); - Lưu: VT- CN (T.35)	**TL. CHỦ TỊCH** **CHÁNH VĂN PHÒNG** **Võ Minh Sơn**

4. Đường nội bộ là đường trong khu vực bến xe khách để người và phương tiện lưu thông.

5. Nhà đầu tư tham gia thực hiện dự án đầu tư, khai thác bến xe khách (sau đây gọi là nhà đầu tư) theo hình thức xã hội hóa là doanh nghiệp, hợp tác xã huy động vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp loại bến xe, mở rộng, khai thác và quản lý bến xe khách.

Điều 4. Quy hoạch bến xe khách

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng, công bố và chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới bến xe khách trên địa bàn địa phương; chủ động kêu gọi xã hội hóa đầu tư, khai thác bến xe khách hoặc cân đối bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện; đảm bảo quy hoạch vị trí các bến xe khách ổn định với thời gian tối thiểu 10 năm. Trường hợp bắt buộc phải di dời, nhà đầu tư sẽ được ưu tiên lựa chọn đầu tư xây dựng, khai thác bến xe khách mới trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được hưởng chế độ bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

2. Quy hoạch hệ thống bến xe khách là căn cứ để xây dựng và phát triển Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ.

3. Bến xe khách đầu tư theo hình thức xã hội hóa được đấu nối vào hệ thống giao thông đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, đồng thời tuân thủ các quy định về an toàn giao thông.

Điều 5. Cơ chế, chính sách về đầu tư xây dựng bến xe khách

1. Căn cứ nguồn lực của từng địa phương, cho phép hỗ trợ tối thiểu 20% lãi suất vay các tổ chức tín dụng đối với dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng bến xe khách theo hình thức xã hội hóa.

2. Tại các huyện nghèo theo quy định của Chính phủ, trường hợp không kêu gọi được xã hội hóa xây dựng bến xe khách, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình cơ bản bắt buộc của bến xe khách, bao gồm: khu vực đỗ xe đón, trả khách, khu vệ sinh, phòng vé và phòng chờ cho hành khách, văn phòng làm việc, đường nội bộ, các trang thiết bị cơ bản để tổ chức hoạt động bến xe khách.

Điều 6. Chính sách ưu đãi về xã hội hóa khai thác bến xe khách

1. Miễn tiền thuê đất:

a) Đối với bến xe khách tại các huyện nghèo theo quy định của Chính phủ được miễn tiền thuê đất đối với toàn bộ diện tích bến xe khách.

b) Đối với các bến xe khách không thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này được miễn tiền thuê đất cho phần diện tích của các hạng mục công trình dịch vụ bắt buộc, bao gồm: khu vực đón, trả khách, bãi đỗ xe ô tô chờ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12 /2015/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2015*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 2302
Ngày: 21/4/15

QUYẾT ĐỊNH
Về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên phạm vi toàn quốc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, khai thác bến xe khách theo hình thức xã hội hóa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách; được đầu tư xây dựng phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt đồng thời đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách.

2. Bến xe khách xã hội hóa là bến xe khách trong đó một phần hoặc toàn bộ nguồn vốn đầu tư, khai thác bến xe khách được thực hiện bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

3. Đường xe ra, vào bến khách là đường đấu nối từ bến xe khách với mạng lưới đường giao thông chính, đường nhánh, đường gom.

vào vị trí đón khách, phòng chờ cho hành khách, khu vực làm việc của bộ máy quản lý, khu vực bán vé, khu vệ sinh, đường xe ra, vào, đường nội bộ bên trong bến xe khách, đất dành cho cây xanh, vườn hoa.

2. Thu nhập của nhà đầu tư phát sinh từ dự án đầu tư mới bến xe khách tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ thì được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các bến xe khách đã được đưa vào khai thác trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực và đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 8 Quyết định này thì được hưởng các ưu đãi quy định tại Điều 4 và Điều 6 của Quyết định này; việc xác định thời gian áp dụng ưu đãi quy định tại Điều 6 được tính kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Trường hợp nâng cấp, mở rộng bến xe khách hoặc xây bến xe khách ở vị trí mới đối với các bến xe khách đã đưa vào khai thác trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, được áp dụng ưu đãi quy định tại Điều 5 của Quyết định này.

Điều 8. Điều kiện hưởng cơ chế, chính sách

Các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và khai thác bến xe khách theo hình thức xã hội hóa được hưởng ưu đãi áp dụng tại Quyết định này phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đảm bảo các điều kiện về đăng ký kinh doanh theo quy định hiện hành.

2. Địa điểm đầu tư xây dựng bến xe khách đúng theo quy hoạch bến xe khách và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chấp thuận bằng văn bản.

3. Hoạt động đầu tư tuân thủ theo giấy phép xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Nhà đầu tư tham gia đầu tư bến xe khách theo hình thức xã hội hóa phải đảm bảo:

a) Vốn đầu tư xã hội hóa tối thiểu 70% tổng số vốn đầu tư xây dựng bến xe khách (không bao gồm kinh phí giải phóng mặt bằng).

b) Tối thiểu 15% vốn đầu tư thuộc sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án và có kế hoạch bố trí đủ số vốn đầu tư còn lại.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b) pvc 240

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK
ĐẾN Số: 2849
Ngày 14/4/15
Chuyển:

THÔNG TƯ
Quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 14/2015/NĐ - CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ - CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chuẩn chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị

Chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị bao gồm:

1. Nhân viên điều độ chạy tàu;

2. Lái tàu;

3. Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga;

4. Nhân viên hỗ trợ an toàn trên tàu.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NHÂN VIÊN TRỰC TIẾP PHỤC VỤ CHẠY TÀU ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

Điều 4. Tiêu chuẩn chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị

1. Nhân viên điều độ chạy tàu là người trực tiếp chỉ huy chạy tàu theo biểu đồ chạy tàu, chỉ huy việc khắc phục sự cố chạy tàu, ra lệnh cảnh báo tốc độ tới các đơn vị liên quan, đình chỉ chạy tàu trên tuyến đường sắt phụ trách nếu thấy nguy cơ đe dọa mất an toàn chạy tàu. Chức danh nhân viên điều độ chạy tàu phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề trở lên chuyên ngành điều hành, vận tải, khai thác đường sắt đô thị;

b) Có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế;

c) Có ít nhất 01 năm đảm nhận trực tiếp công việc của một trong ba chức danh lái tàu, nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga, nhân viên hỗ trợ an toàn trên tàu;

d) Đạt yêu cầu sát hạch về nghiệp vụ điều độ chạy tàu do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành đường sắt đô thị tổ chức sát hạch.

2. Lái tàu là người trực tiếp điều khiển tàu chạy an toàn, đúng tốc độ quy định, đúng biểu đồ chạy tàu, thực hiện mệnh lệnh chỉ huy chạy tàu của nhân viên điều độ chạy tàu, quy trình vận hành khai thác, tham gia giải quyết sự cố, tai nạn giao thông trên tuyến đường sắt đô thị. Chức danh lái tàu phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có bằng, chứng chỉ đào tạo lái tàu đường sắt đô thị;

b) Có độ tuổi không quá 55 tuổi đối với nam và không quá 50 tuổi đối với nữ;

c) Có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế;

d) Có giấy phép lái tàu còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

đ) Đạt yêu cầu sát hạch về nghiệp vụ lái tàu do doanh nghiệp quản lý, khai thác vận hành đường sắt đô thị tổ chức sát hạch.

3. Nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga: Là người chịu trách nhiệm thực hiện mệnh lệnh chỉ huy chạy tàu của nhân viên điều độ chạy tàu, trực tiếp tham gia giải quyết, khắc phục sự cố chạy tàu tại ga. Chức danh nhân viên phục vụ chạy tàu tại ga phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ sơ cấp trở lên chuyên ngành vận tải, khai thác đường sắt đô thị;

b) Có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế;

c) Đạt yêu cầu sát hạch về nghiệp vụ phục vụ chạy tàu tại ga do doanh nghiệp quản lý, khai thác vận hành đường sắt đô thị tổ chức sát hạch.

4. Nhân viên hỗ trợ an toàn trên tàu là người hỗ trợ cho lái tàu thực hiện việc kiểm tra, giám sát, bảo đảm an toàn cho hành khách lên xuống tàu và thông báo cho lái tàu biết để vận hành tàu an toàn, phối hợp với lái tàu tham gia giải quyết sự cố, tai nạn giao thông trên tuyến đường sắt đô thị. Chức danh nhân viên hỗ trợ an toàn trên tàu phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ sơ cấp trở lên chuyên ngành vận tải, khai thác đường sắt đô thị;

b) Có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế;

c) Đạt yêu cầu sát hạch về nghiệp vụ hỗ trợ an toàn trên tàu tại ga do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành đường sắt đô thị tổ chức sát hạch.

Điều 5. Sử dụng chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị

1. Nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu được phép làm công việc của các chức danh theo sự phân công của người sử dụng lao động theo quy định sau đây:

a) Chức danh lái tàu được phép làm công việc của chức danh nhân viên hỗ trợ an toàn trên tàu;

b) Chức danh nhân viên điều độ chạy tàu được phép làm công việc của các chức danh trực tiếp phục vụ chạy tàu mà trước đây đã đảm nhiệm công tác trong thời gian ít nhất 01 năm.

2. Lái tàu phải được đào tạo, sát hạch nghiệp vụ khi thay đổi việc lái tàu giữa các tuyến, loại tàu đường sắt đô thị. Doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành tuyến đường sắt đô thị có trách nhiệm thực hiện việc đào tạo, sát hạch nghiệp vụ đối với những lái tàu này.

3. Trường hợp nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu không đảm nhận công việc quá 06 tháng liên tục, nếu muốn tiếp tục đảm nhận công việc thì phải qua kỳ kiểm tra nghiệp vụ và đạt yêu cầu do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành tuyến đường sắt đô thị quy định.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Trách nhiệm của Cục Đường sắt Việt Nam

1. Hướng dẫn, phổ biến và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, tập hợp các kiến nghị, đề xuất, nghiên cứu trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện tiêu chuẩn các nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị theo định của pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành tuyến đường sắt đô thị

1. Tổ chức kiểm tra sức khoẻ cho các nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức kiểm tra nghiệp vụ định kỳ đối với các nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu 01 lần/năm.

3. Tổ chức kiểm tra, sát hạch nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị trước khi bố trí đảm nhận chức danh theo quy định tại Thông tư này.

4. Không bố trí đảm nhận các chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đối với những trường hợp không đạt tiêu chuẩn sức khỏe hoặc không đạt yêu cầu khi kiểm tra, sát hạch nghiệp vụ.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2015.

2. Đối với các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam thì tiêu chuẩn chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu trên các tuyến đường sắt đô thị đó được áp dụng theo tiêu chuẩn công nghệ của tuyến đường sắt đô thị thông qua đào tạo, chuyển giao công nghệ.

3. Đối với lái tàu trên các tuyến đường sắt đô thị mới đưa vào khai thác, vận hành có công nghệ lần đầu sử dụng tại Việt Nam, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Giao thông vận tải tổ chức sát hạch và cấp Giấy phép lái tàu sau khi các tuyến đường sắt đô thị này hoàn thành chạy thử nghiệm.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 9;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB (Nđt).

BỘ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đinh La Thăng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /2015/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2015*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 2284
ĐẾN Ngày 21/4/15
Chuyển:

THÔNG TƯ

Quy định về vùng hoạt động của tàu biển chở hàng trong Vịnh Bắc Bộ

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về vùng hoạt động của tàu biển chở hàng trong Vịnh Bắc Bộ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về vùng hoạt động và trang thiết bị của tàu biển Việt Nam vỏ thép chở hàng tự hành có tổng dung tích (GT) từ 300 trở lên (sau đây gọi là tàu biển) hoạt động trong Vịnh Bắc Bộ thuộc vùng biển Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến tàu biển quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Vịnh Bắc Bộ* là vịnh nửa kín được bao bọc ở phía Bắc bởi bờ biển lãnh thổ đất liền của hai nước Việt Nam và Trung Quốc, phía Đông bởi bờ biển bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam của Trung Quốc, phía Tây bởi bờ biển đất liền Việt Nam và giới hạn phía Nam bởi đoạn thẳng nối liền từ điểm nhô ra nhất của mép ngoài cùng của mũi Oanh Ca - đảo Hải Nam của Trung Quốc có tọa độ địa lý là vĩ tuyến 18°31'19" Bắc, kinh tuyến 108°41'17" Đông, qua đảo Cồn Cỏ của Việt Nam đến một điểm trên bờ biển của Việt Nam có tọa độ địa lý là vĩ tuyến 16°57'40" Bắc và kinh tuyến 107°08'42" Đông.

2. *Tàu biển phân cấp hạn chế I, II hoặc III* là tàu biển được ấn định dấu hiệu vùng hoạt động hạn chế theo mục 2.1.2-4(1)(a) Chương 2, Phần 1A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia "Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép" (QCVN 21: 2010/BGTVT).

Điều 4. Áp dụng pháp luật

1. Ngoài các quy định tại Thông tư này, tàu biển phải tuân thủ các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy phạm Phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép (QCVN 21: 2010/BGTVT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển (QCVN 42: 2012/BGTVT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu (QCVN 26: 2014/BGTVT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đo dung tích tàu biển (QCVN 63: 2013/BGTVT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống chống hà tàu biển (QCVN 74: 2014/BGTVT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy phạm Thiết bị nâng hàng tàu biển (QCVN 23: 2010/BGTVT) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc bị văn bản khác thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 5. Vùng hoạt động của tàu biển trong Vịnh Bắc Bộ

1. Vùng hoạt động của tàu biển phải tuân thủ theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy phạm Phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép (QCVN 21: 2010/BGTVT).

2. Tàu biển phân cấp hạn chế II được hoạt động cách xa bờ hoặc nơi trú ẩn quá 50 hải lý trong trường hợp điều kiện thời tiết bảo đảm chiều cao sóng đáng kể (Hs) không vượt quá 4,0 mét và gió không quá cấp 6 Beaufort.

3. Tàu biển phân cấp hạn chế III được hoạt động cách xa bờ hoặc nơi trú ẩn quá 20 hải lý trong trường hợp điều kiện thời tiết bảo đảm chiều cao sóng đáng kể (Hs) không vượt quá 2,5 mét và gió không quá cấp 5 Beaufort đồng thời phải thỏa mãn quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này.

4. Thông tin thời tiết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được lấy trên bản tin thời tiết của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Trung ương.

Điều 6. Trang thiết bị của tàu biển hoạt động trong Vịnh Bắc Bộ

1. Trang thiết bị của tàu biển phải tuân thủ quy định của các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nêu tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

2. Tàu biển phân cấp hạn chế III quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư này ngoài việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này còn phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

a) Máy chính của tàu phải được trang bị bơm dầu bôi trơn dự phòng, bơm làm mát dự phòng và máy nén khí dự phòng;

b) Tàu phải được trang bị 02 tổ máy phát điện với công suất của mỗi tổ máy có thể cung cấp đủ năng lượng điện cho hoạt động an toàn của tàu;

c) Nếu phải sử dụng máy biến áp để cung cấp năng lượng điện cho các trang thiết bị trên tàu, thì tàu phải được trang bị 02 máy biến áp với công suất của mỗi máy có thể cung cấp đủ năng lượng điện cho hoạt động an toàn của tàu;

d) Phao bè cứu sinh bố trí ở mỗi mạn tàu phải có khả năng chở được toàn bộ số người trên tàu.

Điều 7. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kỹ thuật và cấp các giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định cho các tàu biển quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ sở thiết kế, đóng mới, phục hồi, sửa chữa và khai thác tàu biển

Thực hiện đầy đủ các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong thiết kế, đóng mới, phục hồi, sửa chữa và khai thác tàu biển.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ tàu, người khai thác tàu và thuyền trưởng

1. Chủ tàu, người khai thác tàu có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, đào tạo các thuyền trưởng và thuyền viên trên tàu thực hiện đầy đủ các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thuyền trưởng trong quá trình vận hành tàu phải thường xuyên theo dõi thông tin dự báo thời tiết và điều kiện biển thực tế để đưa ra quyết định về việc thay đổi hướng đi, hành trình, tốc độ của tàu hoặc tìm kiếm nơi trú ẩn để đảm bảo an toàn.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2015.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Giao thông vận tải để xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:
- Như Điều 11;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, V.tải(5).

BỘ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đinh La Thăng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07 /2015/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2015*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK
ĐẾN Số: 2279
Ngày 21/4/15
Chuyển:

THÔNG TƯ

Quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 146/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải; tổ chức, cá nhân có liên quan, tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tàu thuyền bao gồm tàu biển, tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, thủy phi cơ và các phương tiện thủy khác.

2. Báo hiệu hàng hải là thiết bị hoặc công trình, tàu thuyền được thiết lập và vận hành trên mặt nước hoặc trên đất liền để chỉ dẫn cho người đi biển và tổ chức, cá nhân liên quan định hướng, xác định vị trí của tàu thuyền.

3. Thông báo hàng hải là văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành, công bố để cung cấp thông tin, chỉ dẫn cho người đi biển và tổ chức, cá nhân liên quan nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

4. Khu nước, vùng nước bao gồm vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão trong vùng nước cảng biển.

5. Luồng hàng hải công cộng là luồng cảng biển được đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác phục vụ hoạt động chung của cảng biển.

6. Luồng hàng hải chuyên dùng là luồng nhánh cảng biển và luồng hàng hải khác được đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác phục vụ hoạt động của cảng chuyên dùng.

7. Khu chuyển tải chuyên dùng là khu nước được đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác phục vụ hoạt động của cảng chuyên dùng.

Chương II

BÁO HIỆU HÀNG HẢI

Mục 1

Đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải

Điều 4. Quy hoạch phát triển hệ thống báo hiệu hàng hải

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống báo hiệu hàng hải.

2. Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì, phối hợp với các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải và các tổ chức có liên quan xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống báo hiệu hàng hải, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và tổ chức quản lý việc thực hiện theo quy hoạch sau khi được phê duyệt.

Điều 5. Nguyên tắc đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải

1. Việc đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải phải phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, các quy định của Thông tư này, pháp luật về đầu tư, xây dựng. Các báo hiệu hàng hải phải được bố trí tại các vị trí cần thiết nhằm bảo đảm an toàn hàng hải.

2. Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải theo quy hoạch được phê duyệt.

Điều 6. Đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải

1. Căn cứ vào quy mô, tính chất và đặc điểm của dự án đầu tư báo hiệu hàng hải từ nguồn vốn nhà nước, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định đầu tư hoặc phân cấp, uỷ quyền cho Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định đầu tư.

2. Các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm thiết lập kịp thời báo hiệu hàng hải phục vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải, đồng thời báo cáo ngay cho Cục Hàng hải Việt Nam và Cảng vụ hàng hải tại khu vực.

3. Các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thiết lập báo hiệu hàng hải khi quản lý khai thác luồng hàng hải chuyên dùng hoặc sử dụng các vùng nước sau đây:

a) Vùng khoan thăm dò địa chất, khai thác dầu mỏ, khí đốt;

b) Vùng đánh bắt, nuôi trồng hải sản;

c) Vùng công trình đang thi công, trục vớt cứu hộ;

d) Vùng đặt đường cáp hoặc đường ống ngầm, công trình ngầm, thiết bị ngầm có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải;

đ) Vùng diễn tập: quân sự, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ, ứng cứu khắc phục sự cố tràn dầu;

e) Vùng đặt hệ thống thu thập dữ liệu hải dương;

g) Vùng giải trí, du lịch và thể thao.

4. Các tổ chức, cá nhân khi xây dựng các công trình vượt qua luồng hàng hải có nghĩa vụ thiết lập báo hiệu hàng hải bảo đảm an toàn hàng hải.

5. Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này trước khi tiến hành thiết lập báo hiệu hàng hải phải được sự chấp thuận của Cục Hàng hải Việt Nam về vị trí, quy mô, loại báo hiệu hàng hải theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

6. Việc thiết lập báo hiệu hàng hải phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải.

Điều 7. Thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Cục Hàng hải Việt Nam, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này;

b) Thiết kế kỹ thuật của báo hiệu hàng hải.

2. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 2

Quản lý vận hành báo hiệu hàng hải

Điều 8. Trách nhiệm quản lý báo hiệu hàng hải

1. Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về báo hiệu hàng hải trong phạm vi cả nước.

2. Cảng vụ hàng hải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống báo hiệu hàng hải trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý.

3. Các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải trực tiếp quản lý, vận hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của báo hiệu hàng hải trong khu vực được giao.

4. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 6 của Thông tư này tổ chức quản lý, vận hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của báo hiệu hàng hải do tổ chức, cá nhân đó đầu tư xây dựng.

Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành báo hiệu hàng hải

1. Lập kế hoạch định kỳ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp báo hiệu hàng hải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng báo hiệu hàng hải để các thông số kỹ thuật của báo hiệu luôn phù hợp với thông báo hàng hải đã công bố.

3. Khi báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch phải khẩn trương tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời.

4. Kịp thời lập hồ sơ xác định mức độ hư hỏng, mất hoặc sai lệch của báo hiệu hàng hải gửi về cơ quan chức năng để điều tra, xử lý khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Hàng quý, báo cáo bằng văn bản tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải về Cục Hàng hải Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

6. Khi có thay đổi về đặc tính của báo hiệu hàng hải so với thông báo hàng hải đã công bố, phải thông báo về tổ chức có thẩm quyền để công bố thông báo hàng hải kịp thời.

Điều 10. Bảo vệ báo hiệu hàng hải

1. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ báo hiệu hàng hải.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi phá hoại, lấy cắp hoặc làm hư hỏng báo hiệu hàng hải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong bảo vệ báo hiệu hàng hải được khen thưởng theo quy định.

Chương III
THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Điều 11. Nguyên tắc công bố thông báo hàng hải

1. Thông báo hàng hải phải được tổ chức có thẩm quyền công bố kịp thời tới các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Thông báo hàng hải đồng thời được truyền phát trên hệ thống đài thông tin duyên hải và trên phương tiện thông tin phù hợp khác.

Điều 12. Phân loại thông báo hàng hải

Căn cứ vào mục đích sử dụng, thông báo hàng hải được phân loại như sau:

1. Thông báo hàng hải về hoạt động của báo hiệu hàng hải:

a) Thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải: các báo hiệu hàng hải thị giác, vô tuyến điện, âm thanh sau khi được thiết lập phải được công bố thông báo hàng hải về vị trí, tác dụng, đặc tính hoạt động của báo hiệu đó theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này;

b) Thông báo hàng hải về thay đổi đặc tính hoạt động của báo hiệu hàng hải: khi báo hiệu hàng hải được thay đổi đặc tính hoạt động so với đặc tính đã được thông báo thì phải công bố thông báo hàng hải về các thay đổi đó theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này;

c) Thông báo hàng hải về tạm ngừng hoạt động của báo hiệu hàng hải: khi báo hiệu hàng hải không còn khả năng hoạt động theo đúng đặc tính đã được thông báo thì phải công bố thông báo hàng hải về việc tạm ngừng hoạt động của báo hiệu hàng hải đó theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này;

d) Thông báo hàng hải về phục hồi hoạt động của báo hiệu hàng hải: sau khi đã sửa chữa xong sự cố của báo hiệu hàng hải thì phải công bố thông báo hàng hải về việc phục hồi hoạt động của báo hiệu hàng hải đó theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này;

đ) Thông báo hàng hải về chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải: sau khi báo hiệu hàng hải không còn tác dụng, được thu hồi thì phải công bố thông báo hàng hải về việc chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải đó theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này.

2. Thông báo hàng hải về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước:

a) Luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp phải được khảo sát độ sâu để công bố thông báo hàng hải và được định kỳ khảo sát, công bố thông báo hàng hải; trường hợp xây dựng mới, cải tạo nâng cấp phải rà quét chướng ngại vật mặt đáy;

b) Ba (03) năm một lần, Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục định kỳ khảo sát các tuyến luồng hàng hải công cộng, khu nước, vùng nước (trừ khu chuyển tải chuyên dùng) theo đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam trên cơ sở đề xuất của các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải;

c) Ba (03) năm một lần, Cục Hàng hải Việt Nam công bố Danh mục định kỳ khảo sát các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng, khu chuyển tải chuyên dùng theo đề nghị của Cảng vụ hàng hải tại khu vực;

d) Các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm khảo sát độ sâu luồng hàng hải công cộng, khu nước, vùng nước (trừ khu chuyển tải chuyên dùng) để công bố thông báo hàng hải;

đ) Việc khảo sát độ sâu và rà quét chướng ngại vật của luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyển tải chuyên dùng do tổ chức có chức năng đo đạc, khảo sát thực hiện. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyển tải chuyên dùng chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đo đạc, khảo sát đã cung cấp để công bố thông báo hàng hải và phải chịu toàn bộ trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra liên quan đến tính chính xác của số liệu đo đạc, khảo sát đó;

e) Việc khảo sát độ sâu và rà quét chướng ngại vật quy định tại điểm d và điểm đ khoản này phải thực hiện theo đúng phương pháp, quy trình kỹ thuật do Bộ Giao thông vận tải quy định;

g) Các thông báo hàng hải quy định tại khoản này theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 và Phụ lục 9 của Thông tư này.

3. Thông báo hàng hải về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện: khi có tai nạn, sự cố hàng hải gây chìm đắm tàu hoặc khi phát hiện có chướng ngại vật gây mất an toàn hàng hải thì phải công bố thông báo hàng hải về các chướng ngại vật đó theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 của Thông tư này.

4. Thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải: khu vực thi công công trình, trên biển hoặc luồng hàng hải gây ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải, phải công bố thông báo hàng hải về công trình đó theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 của Thông tư này.

5. Thông báo hàng hải về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải:

a) Các công trình ngầm đi qua luồng hàng hải phải công bố thông báo hàng hải về vị trí, độ sâu công trình và các điều kiện an toàn khác;

b) Các công trình vượt qua luồng hàng hải phải công bố thông báo hàng hải về khoang thông thuyền, tĩnh không khoang thông thuyền và các điều kiện an toàn khác.

Thông báo hàng hải quy định tại khoản này theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 của Thông tư này.

6. Thông báo hàng hải về phân luồng giao thông hàng hải hoặc hạn chế lưu thông, tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải: trong trường hợp đặc biệt cần yêu cầu tàu thuyền, phương tiện chuyển hướng khỏi tuyến hành trình, hạn chế lưu thông hoặc tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải phải công bố thông báo hàng hải về phân luồng giao thông hàng hải, hạn chế lưu thông hoặc tạm ngừng hoạt động của tuyến luồng hàng hải theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 của Thông tư này.

7. Thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải: trong trường hợp một khu vực biển được sử dụng cho hoạt động diễn tập quân sự, khu vực đổ chất thải, khu vực cấm neo đậu, diễn tập tìm kiếm cứu nạn, khu vực xảy ra sự cố tràn dầu hoặc chất độc hại, khu vực đổ đất, nghiên cứu khoa học, đánh bắt, nuôi trồng hải sản, giải trí, du lịch, thể thao, vùng đặt hệ thống thu thập dữ liệu hải dương hay các hoạt động dân sự khác, do tính chất công việc có thể gây nguy hiểm cho tàu thuyền qua lại trong khu vực biển đó phải công bố thông báo hàng hải về khu vực nêu trên theo mẫu quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư này.

8. Thông báo hàng hải về các thông tin truyền phát lại, thông tin chỉ dẫn hàng hải liên quan đến hoạt động hàng hải: các thông tin về an ninh, điều kiện khí tượng, thủy văn, động đất, sóng thần, y tế, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn và các thông tin chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động của người và tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và trên vùng biển Việt Nam phải được công bố thông báo hàng hải.

9. Thông báo hàng hải về công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam: khi thực hiện công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam phải công bố thông báo hàng hải theo mẫu quy định tại Phụ lục 15 của Thông tư này.

Điều 13. Nội dung và yêu cầu của thông báo hàng hải

1. Nội dung của thông báo hàng hải phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu và phản ánh một cách đầy đủ, chính xác các thông tin cần cung cấp.

2. Yêu cầu của thông báo hàng hải:

a) Vị trí trong thông báo hàng hải được lấy theo hệ tọa độ VN-2000 và hệ toạ độ WGS-84, độ chính xác đến 1/10 giây;

b) Độ sâu trong thông báo hàng hải là độ sâu của điểm cạn nhất trong khu vực cần được thông báo, tính bằng mét đến mực nước "số 0 hải đồ", độ chính xác đến 1/10 mét;

c) Địa danh trong thông báo hàng hải được lấy theo địa danh đã được ghi trên hải đồ hoặc trong các tài liệu hàng hải khác đã xuất bản. Trường hợp địa

danh chưa được ghi trong các tài liệu nói trên thì sử dụng tên thường dùng của địa phương;

d) Ngôn ngữ sử dụng trong thông báo hàng hải là tiếng Việt;

đ) Thời điểm có hiệu lực và hết hiệu lực của thông báo hàng hải (nếu có).

Điều 14. Thẩm quyền công bố thông báo hàng hải

1. Các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện công bố thông báo hàng hải quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 12 của Thông tư này.

2. Cảng vụ hàng hải thực hiện công bố thông báo hàng hải quy định tại các khoản 6, 7 và 8 Điều 12 của Thông tư này trong phạm vi vùng nước cảng biển và khu vực quản lý được giao.

3. Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện công bố thông báo hàng hải quy định tại khoản 9 Điều 12 của Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện việc quản lý nhà nước về công bố thông báo hàng hải.

2. Trách nhiệm của tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải:

a) Công bố đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin cần cung cấp;

b) Kịp thời hiệu chỉnh và công bố lại thông báo hàng hải khi phát hiện có sai sót hoặc thay đổi về nội dung trong thông báo hàng hải.

3. Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin do mình cung cấp.

Điều 16. Thủ tục công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải

Thủ tục công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải.

Điều 17. Thủ tục công bố thông báo hàng hải về việc thay đổi đặc tính, tạm ngừng, phục hồi, chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải

1. Đơn vị quản lý vận hành báo hiệu hàng hải gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải về hoạt động của báo hiệu hàng hải theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 của Thông tư này;

b) Biên bản xác định tình trạng của báo hiệu hàng hải.

2. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ như sau:

Chậm nhất 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm công bố thông báo hàng hải. Trường hợp chưa đủ điều kiện công bố, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 18. Thủ tục công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước

1. Đối với luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyển tải chuyên dùng được công bố định kỳ: chủ đầu tư hoặc người khai thác gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của chủ đầu tư hoặc người khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 của Thông tư này;

b) Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát;

c) Bình đồ khảo sát độ sâu, báo cáo khảo sát và các tài liệu liên quan thu thập tại hiện trường.

2. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoặc người khai thác bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư hoặc người khai thác bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm công bố thông báo hàng hải. Trường hợp chưa đủ điều kiện công bố, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Đối với thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải công cộng, khu nước, vùng nước (trừ khu chuyển tải chuyên dùng) được công bố định kỳ do tổ chức có thẩm quyền thông báo hàng hải thực hiện công bố thông báo hàng hải sau khi có biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát, bình đồ khảo sát độ sâu, báo cáo khảo sát và các tài liệu liên quan thu thập tại hiện trường.

Điều 19. Thủ tục công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp

1. Chủ đầu tư hoặc người khai thác gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của chủ đầu tư hoặc người khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 của Thông tư này;

b) Bản sao văn bản trả lời của cấp có thẩm quyền về sự phù hợp với quy hoạch cảng biển;

c) Bản sao thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Bản sao bản vẽ hoàn công;

đ) Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng;

e) Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát và rà quét chướng ngại vật;

g) Bình đồ khảo sát độ sâu, báo cáo khảo sát và các tài liệu liên quan thu thập tại hiện trường;

h) Bình đồ tuyến rà quét chướng ngại vật.

2. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoặc người khai thác hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm công bố thông báo hàng hải. Trường hợp chưa đủ điều kiện công bố, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 20. Thủ tục công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải

1. Chủ đầu tư hoặc người khai thác gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của chủ đầu tư hoặc người khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 của Thông tư này;

b) Bản sao thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Bản sao văn bản chấp thuận cho phép hoạt động thi công của cấp có thẩm quyền;

d) Bản sao sơ đồ hoặc bản vẽ mặt bằng thi công;

đ) Bản sao phương án bảo đảm an toàn giao thông được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

e) Các thông số kỹ thuật chủ yếu của các phương tiện thi công.

2. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoặc người khai thác hoàn thiện, bổ sung hồ sơ;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư hoặc người khai thác bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản này, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm công bố thông báo hàng hải. Trường hợp chưa đủ điều kiện công bố, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 21. Thủ tục công bố thông báo hàng hải về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải

1. Chủ đầu tư hoặc người khai thác gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của chủ đầu tư hoặc người khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 của Thông tư này;

b) Bản sao thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Bản sao bản vẽ hoàn công;

d) Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng;

đ) Biên bản nghiệm thu kết quả rà quét chướng ngại vật;

e) Các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình.

2. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoặc người khai thác bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư hoặc người khai thác bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm công bố thông báo hàng hải. Trường hợp chưa đủ điều kiện công bố, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 22. Thủ tục công bố thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải

1. Chủ đầu tư hoặc người khai thác gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của chủ đầu tư hoặc người khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 của Thông tư này;

b) Bình đồ hoặc hải đồ thể hiện khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải;

c) Bản sao văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (nếu có);

d) Các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải (nếu có).

2. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoặc người khai thác bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư hoặc người khai thác bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm công bố

thông báo hàng hải. Trường hợp chưa đủ điều kiện công bố, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 23. Công bố thông báo hàng hải về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện

Ngay sau khi nhận được thông tin có tai nạn, sự cố hàng hải gây chìm đắm tàu hoặc khi phát hiện có chướng ngại vật gây mất an toàn hàng hải, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm kiểm tra, khảo sát và công bố thông báo hàng hải về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện.

Điều 24. Công bố thông báo hàng hải về phân luồng giao thông hàng hải hoặc hạn chế lưu thông, tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải

Ngay sau khi nhận được Quyết định phân luồng giao thông hàng hải hoặc hạn chế lưu thông, tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải tại khu vực, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm công bố thông báo hàng hải.

Điều 25. Công bố thông báo hàng hải về các thông tin truyền phát lại, thông tin chỉ dẫn hàng hải liên quan đến hoạt động hàng hải

Ngay sau khi nhận được các thông tin về an ninh, điều kiện khí tượng, thủy văn, động đất, sóng thần, y tế, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn và các thông tin chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động của người và tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và trên vùng biển Việt Nam, các Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm công bố thông báo hàng hải về các thông tin nói trên.

Điều 26. Công bố thông báo hàng hải về công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam

Ngay khi quyết định hoặc nhận được Quyết định về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam, tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm công bố thông báo hàng hải.

Điều 27. Truyền phát thông báo hàng hải

1. Thông báo hàng hải sau khi được công bố phải gửi ngay tới Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải có liên quan, tổ chức hoa tiêu hàng hải có liên quan, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản hoặc bằng phương thức điện tử phù hợp.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam có trách nhiệm truyền phát trên hệ thống các đài Thông tin duyên hải Việt Nam các thông báo hàng hải bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo các phương thức thông tin phù hợp. Việc truyền phát thông báo hàng hải theo mẫu quy định tại Phụ lục 17 của Thông tư này.

3. Số lần truyền phát thông báo hàng hải được thực hiện theo quy định như sau:

a) Thông báo hàng hải quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 9 Điều 12 của Thông tư này được phát tối thiểu 02 (hai) lần trong một ngày và phát trong 03 (ba) ngày liên tục;

b) Thông báo hàng hải quy định tại các khoản 3, 6, 7 và 8 Điều 12 của Thông tư này được phát liên tục 04 (bốn) lần trong một ngày cho đến khi có thông báo hàng hải mới thay thế thông báo hàng hải đó;

c) Căn cứ tình hình thực tế, Cục Hàng hải Việt Nam xem xét tăng, giảm tần suất hoặc ngừng truyền phát thông báo hàng hải quy định tại điểm b khoản này theo đề nghị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam.

4. Tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam có trách nhiệm đưa nguyên văn nội dung thông báo hàng hải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình.

5. Kinh phí thực hiện công bố thông báo hàng hải và truyền phát thông báo hàng hải được sử dụng từ kinh phí hoạt động hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 28. Cung cấp thông tin thông báo hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 của Thông tư này được quyền yêu cầu cung cấp thông báo hàng hải.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và vùng biển của Việt Nam có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác cho tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải các thông tin sau đây, nếu phát hiện được:

a) Sai lệch về vị trí hoặc đặc tính hoạt động của báo hiệu hàng hải so với nội dung của thông báo hàng hải đã công bố;

b) Các chướng ngại vật mới phát hiện chưa được công bố thông báo hàng hải hoặc chưa được đánh dấu trên hải đồ;

c) Các thông tin khác có liên quan đến an toàn hàng hải.

3. Các tổ chức có thẩm quyền công bố thông báo hàng hải có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra các số liệu, thông tin quy định tại khoản 2 Điều này để công bố thông báo hàng hải theo quy định.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015 và bãi bỏ Thông tư số 54/2011/TT-BGTVT ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này 17 Phụ lục.

Điều 30. Tổ chức thực hiện.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Tổng giám đốc các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải, Giám đốc các Cảng vụ hàng hải, Tổng giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 30
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Các Cục: Kiểm tra văn bản, Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về việc: .....

Kính gửi: .....

Căn cứ Thông tư số ...../2015/TT-BGTVT ngày ..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị .....về việc .....

Hồ sơ kèm theo bao gồm

1).....

2).....

Nơi nhận:

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA BÁO HIỆU HÀNG HẢI
DO ..... QUẢN LÝ

Kính gửi: CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thực hiện Thông tư số ...../2015/TT-BGTVT ngày ...tháng..... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải;

..... (tên đơn vị) báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của báo hiệu hàng hải do đơn vị quản lý như sau:

I. Kỳ báo cáo: Từ ngày ..... đến ngày .....

II. Tình trạng hoạt động của báo hiệu:

1. Báo hiệu thị giác:

a) Đèn biển, đăng tiêu độc lập và chập tiêu:

STT	Tên báo hiệu	Đặc tính ánh sáng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				
2				
3				
...				

b) Báo hiệu luồng hàng hải:

STT	Tên báo hiệu	Tác dụng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)

1				
2				
3				
...				

2. Báo hiệu vô tuyến điện:

STT	Tên báo hiệu	Mã tín hiệu nhận dạng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				
2				
3				
...				

3. Báo hiệu âm thanh:

STT	Tên báo hiệu	Mã tín hiệu phát âm	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				
2				
3				
...				

Nơi nhận:
-

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

.....

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc thiết lập mới .....

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Tên báo hiệu: .....

Căn cứ .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo thiết lập mới ..... với các đặc tính như sau:

- Vị trí: .....
- Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Tác dụng: .....

1. Báo hiệu thị giác

a. Đặc tính nhận biết ban ngày

- Hình dạng: .....
- Màu sắc: .....
- Dấu hiệu đỉnh: ..... (nếu có)
- Số hiệu (Chữ hiệu): ..... (nếu có)
- Chiều cao toàn bộ : ..... m, tính đến .....
- Chiều cao công trình: ... m, tính đến mặt đất (dành riêng cho báo hiệu cố định)
- Chiều rộng trung bình: ... m (dành riêng cho báo hiệu cố định)
- Tầm nhìn địa lý: .... hải lý với chiều cao của mắt người quan sát bằng .....m

b. Đặc tính ánh sáng ban đêm

- Đặc tính ánh sáng: .....
- Phạm vi chiếu sáng: .....
- Chiều cao tâm sáng: ..... m, tính đến .....
- Tầm hiệu lực ánh sáng: ... hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74

2. Báo hiệu vô tuyến điện:

a. Racon:

- Dải tần hoạt động: .....
- Mã tín hiệu nhận dạng: .....
- Chu kỳ hoạt động: .....
- Tầm hiệu lực: ..... hải lý với radar có công suất phát .... kW, chiều cao ăng ten radar ... m.

b. Báo hiệu hàng hải AIS:

- Loại báo hiệu hàng hải AIS: .....
- Dải tần hoạt động:.....
- Số nhận dạng (MMSI): .....
- Tần suất phát thông tin:.....
- Tầm hiệu lực:.....
- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải:.....

3. Báo hiệu âm thanh

- Cường độ phát âm:.....
- Tần số phát âm:.....
- Mã tín hiệu phát âm:.....
- Chu kỳ phát âm:.....
- Tầm hiệu lực âm phát: .... hải lý với tốc độ gió cấp 1.

Ghi chú:

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc thay đổi .....

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Tên báo hiệu: .....

Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo thay đổi: ..... như sau:

- Vị trí: .....
- Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Tác dụng:

.....

1. Báo hiệu thị giác

a. Đặc tính nhận biết ban ngày

- Hình dạng: .....
- Màu sắc: .....
- Dấu hiệu đỉnh: ..... (nếu có)
- Số hiệu (Chữ hiệu): ..... (nếu có)
- Chiều cao toàn bộ: ..... m, tính đến .....
- Chiều cao công trình: ... m, tính đến mặt đất (dành riêng cho báo hiệu cố định)
- Chiều rộng trung bình: ... m (dành riêng cho báo hiệu cố định)
- Tầm nhìn địa lý: .... hải lý với chiều cao của mắt người quan sát bằng .....m.

b. Đặc tính ánh sáng ban đêm

- Đặc tính ánh sáng: .....
- Phạm vi chiếu sáng: .....
- Chiều cao tâm sáng: ..... m, tính đến .....
- Tầm hiệu lực ánh sáng: ... hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển T=0,74

2. Báo hiệu vô tuyến điện:

a. Racon:

- Dải tần hoạt động: .....
- Mã tín hiệu nhận dạng: .....
- Chu kỳ hoạt động: .....
- Tầm hiệu lực: ..... hải lý với radar có công suất phát .... kW, chiều cao ăng ten radar ... m.

b. Báo hiệu hàng hải AIS:

- Loại báo hiệu hàng hải AIS: .....
- Dải tần hoạt động:.....
- Số nhận dạng (MMSI): .....
- Tần suất phát thông tin:.....
- Tầm hiệu lực: .....
- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải:.....

3. Báo hiệu âm thanh

- Cường độ phát âm:.....
- Tần số phát âm:.....
- Mã tín hiệu phát âm:

.....

- Chu kỳ phát âm:

.....

- Tầm hiệu lực âm phát: .... hải lý với tốc độ gió cấp 1.

Ghi chú: Các đặc tính khác của báo hiệu không thay đổi (tham khảo Thông báo hàng hải số ..... ngày .....)

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc tạm ngừng hoạt động .....

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Tên báo hiệu: .....

Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo ..... đã tạm ngừng hoạt động từ ngày .....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc phục hồi hoạt động .....

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Tên báo hiệu: .....

Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo: ..... đã được phục hồi hoạt động theo đúng các đặc tính đã thông báo hàng hải.

Thông báo hàng hải số..... ngày..... không còn hiệu lực.

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc chấm dứt hoạt động .....

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Tên báo hiệu: .....

Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ: .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo: ..... chấm dứt hoạt động từ ngày.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải.....

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Căn cứ: .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo về thông số kỹ thuật của .....như sau:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng ....m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số .... kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt .... m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

.....

Ghi chú:

1. Có thể thông báo độ sâu của từng đoạn luồng trên một tuyến luồng

2. Nếu trên một đoạn luồng có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung trên toàn tuyến, không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và chỉ rõ các khu vực có những điểm độ sâu nhỏ hơn độ sâu được công bố.

Phụ lục 9

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước.....

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Căn cứ .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ...thông báo về thông số kỹ thuật của ..... như sau: trong phạm vi ..... được giới hạn bởi các điểm:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số .... kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt .... m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

.....

Ghi chú: Nếu trong phạm vi thông báo có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung, không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và chỉ rõ các khu vực có những điểm độ sâu nhỏ hơn độ sâu được công bố.

Phụ lục 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BGTVT ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện.....

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Căn cứ .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo tồn tại chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện .....tại vị trí có tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Vị trí chướng ngại vật nằm cách ..... về phía .....
- Cao độ của chướng ngại vật ..... m tính đến mực nước "số 0 hải đồ" (nếu có).

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về khu vực thi công công trình .....

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Căn cứ : .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo thiết lập khu vực thi công công trình .....được giới hạn bởi các điểm:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Thời gian thi công: Từ ....giờ.....ngày ..... đến.....giờ.... ngày .....

Đặc điểm của các phương tiện thi công: .....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú: Đối với các công trình thi công trên diện rộng có thể tiến hành mô tả khu vực thi công thay cho việc công bố tọa độ giới hạn.

Phụ lục 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về công trình ngầm hoặc công trình vượt qua luồng hàng hải

Vùng biển: .....

Tên công trình: ..... (nếu có)

Căn cứ .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải ..... với các đặc tính như sau:

- Vị trí: .....
- Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Chiều cao hoặc chiều sâu toàn bộ: ..... m, tính đến .....
- Chiều rộng trung bình: ... m .....
- Đặc tính điểm nhận dạng vào ban ngày hoặc ban đêm (nếu có).....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải liên quan...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 13

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc phân luồng, hạn chế lưu thông hay tạm ngừng hoạt động hàng hải

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Căn cứ: .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo:.....

Thời gian: Từ .... giờ.....ngày ..... đến .....giờ.....ngày .....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải liên quan....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải....

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Căn cứ: .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ... thông báo thiết lập khu vực ..... được giới hạn bởi các điểm:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Thời gian: Từ ....giờ.....ngày ..... đến ....giờ.....ngày .....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải liên quan...;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú: Đối với các khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải trên diện rộng có thể tiến hành mô tả khu vực thay cho việc công bố tọa độ giới hạn

Phụ lục 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam

Vùng biển: .....

Tên luồng: ..... (nếu có)

Căn cứ: .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, ...thông báo về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam cụ thể như sau:

Các thông tin cơ bản về tuyến hàng hải và phân luồng giao thông: (điểm bắt đầu, điểm kết thúc, các yêu cầu khi hành trình trong tuyến hàng hải...)

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:	.....
- Cảng vụ hàng hải...;	(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;	
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;	
-	

.....

Ghi chú: có thể tiến hành mô tả hoặc công bố kèm theo hải đồ, sơ đồ về tuyến hàng hải, phân luồng giao thông.

Phụ lục 16

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /.....	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc: .....

Kính gửi: .....

Căn cứ Thông tư số ...../2015/TT-BGTVT ngày ..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị .....công bố thông báo hàng hải về việc .....

Hồ sơ kèm theo bao gồm

1).....

2).....

Nơi nhận:

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 17

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải)

CÁC MẪU BẢN ĐIỆN TRUYỀN PHÁT THÔNG BÁO HÀNG HẢI

1. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về việc thiết lập mới, phục hồi báo hiệu hàng hải

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 145/11 VỊNH HẠ LONG CẢNG CÁI LÂN HẢI ĐỒ _____ (QUỐC TẾ _____). THIẾT LẬP MỚI CÁC PHAO DẪN LUỒNG VÀO CẢNG A. BÁO HIỆU AN TOÀN PHÍA ĐÔNG 20-03.2N 107-39.5E. B. BÁO HIỆU AN TOÀN PHÍA NAM 20-03.7N 107-39.4E.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier	NAVAREA XI 145/11 HALONG BAY. PORT OF CAI LAN CHART _____(INT _____). LIGHTBUOYS ESTABLISHED MARKING THE ENTRANCE. A. EAST CARDINAL 20-03.2N 107-39.5E. B. SOUTH CARDINAL 20-03.7N 107-39.4E.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

Thành phần bức điện	Ví dụ 2
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XVI 95/11 PERU PAITA HẢI ĐỒ _____ (QUỐC TẾ _____). XÁC TÀU ĐẮM TẠI VỊ TRÍ 05-04.8N 081-06.7W. THIẾT LẬP PHAO ĐÁNH DẤU VỊ TRÍ TÀU ĐẮM KHẨN CẤP CÁCH 0,25 HẢI LÝ VỀ PHÍA NAM, ĐÈN SÁNG THAY ĐỔI XANH - VÀNG TRONG 3 GIÂY.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 2
1. Message series identifier	NAVAREA XVI 95/11 PERU. PAITA. CHART _____(INT _____). WRECK LOCATED 05-04.8N 081-06.7W. EMERGENCY WRECK MARKING BUOY ESTABLISHED 0.25 MILES SOUTH, ALTERNATING OCCULTING BLUE AND YELLOW THREE SECONDS.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

2. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về việc tạm ngừng, chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải.

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 145/11 VỊNH HẠ LONG CẢNG HẢI PHÒNG HẢI ĐỒ_____ (QUỐC TẾ _____). ĐÈN BIỂN HÒN DÁU 20-02.0N 107-40.1E ĐÈN KHÔNG SÁNG
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier	NAVAREA XI 145/11 HALONG BAY. PORT OF HAIPHONG. CHART _____(INT _____). HONDAU LIGHT HOUSE 20-02.0N 107-40.1E UNLIT.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

Thành phần bức điện	Ví dụ 2
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC IX 12/11 BIỂN ĐỎ, AI CẬP VỊNH AQABA, EO TIRAN HẢI ĐỒ _____ (QUỐC TẾ_____). BÁO HIỆU AN TOÀN PHÍA TÂY 27-59.4N 034-29.1E RACON KHÔNG HOẠT ĐỘNG
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 2
1. Message series identifier	NAVAREA IX 12/11 RED SEA, EGYPT. GULF OF AQABA, STRAIT OF TIRAN. CHART _____(INT _____). WEST CARDINAL BUOY 27-59.4N 034-29.1E RACON INOPERATIVE.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

3. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về độ sâu luồng hàng hải, thủy diện cảng, khu neo đậu, quay trở tàu và các vùng nước khác

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 15/11 BIỂN ĐÔNG VỊNH BẮC BỘ THÀNH LẬP CẢNG MỚI – CẢNG LẠCH HUYỆN. CẢNG MỚI LẠCH HUYỆN ĐƯỢC THÀNH LẬP PHÍA NAM ĐẢO CÁT HẢI. VỊ TRÍ 20-50.31N, 106-53.40E. GIỚI HẠN CẢNG: 20-50.01 N, 106-54.28 E; 20-50.01 N, 106-53.99 E; 20-49.30 N, 106-53.45 E; 20-49.29 N, 106-52.67 E. ĐỘ SÂU TRONG GIỚI HẠN CẢNG 9.5M. VỊ TRÍ ĐÓN HOA TIÊU 20-40.11N, 107-00.19E; KHU VỰC NEO XUNG QUANH 20-52.52N, 107-05.09E VỚI BÁN KÍNH 1 HẢI LÝ. ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT, THAM KHẢO THÔNG BÁO CHO NGƯỜI ĐI BIỂN SỐ 14/2011.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier	NAVAREA XI 15/11 SOUTH CHINA SEA. GULF OF TONKIN ESTABLISHMENT OF NEW PORT – PORT OF LACH HUYEN. NEW PORT OF LACH HUYEN IS LOCATED IN SOUTH OF CAT HAI ISLAND. POSITION 20-50.31N, 106-53.40E. PORT LIMITS 20-50.01 N, 106-54.28 E; 20-50.01 N, 106-53.99 E; 20-49.30 N, 106-53.45 E; 20-49.29 N, 106-52.67 E. WATER DEPTH INSIDE PORT LIMITS PILOT BOARDING AREA 20-40.11N, 107-00.19E; ANCHORAGE AROUND 20-52.52N, 107-05.09E, RADIUS 1NM. FOR MORE DETAILS, REFER NTM 14/2011.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

4. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về việc xuất hiện chướng ngại vật mới phát hiện

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 15/11 BIỂN ĐÔNG CẢNG VŨNG TÀU HẢI ĐỒ _____ (QUỐC TẾ _____). VỊ TRÍ BÃI CẠN XÁC ĐỊNH TẠI: A. 28M 10-20.1N 107-05.1E. B. 13.5M 10-19.2N 107-04.2E. C. 27M 10-21.8N 107-06.1E.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier	NAVAREA XI 15/11 SOUTH CHINA SEA. PORT OF VUNG TAU CHART _____(INT _____). SHOALS LOCATED: A. 28 METRES 10-20.1N 107-05.1E. B. 13.5 METRES 10-19.2N 107-04.2E. C. 27 METRES 10-21.8N 107-06.1E.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

Thành phần bức điện	Ví dụ 2
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 15/11 BIỂN ĐÔNG CẢNG VŨNG TÀU HẢI ĐỒ _____ (QUỐC TẾ _____). BÁO CÁO KHU VỰC CÓ ĐỘ SÂU THẤP HƠN NHIỀU SO VỚI ĐỘ SÂU GHI TRÊN HẢI ĐỒ TẠI 11-59.89S 107-17.50E.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 2
1. Message series identifier	NAVAREA XI 15/11 SOUTH CHINA SEA. PORT OF VUNG TAU CHART _____(INT _____). SIGNIFICANTLY LESS WATER THAN CHARTED REPORTED 11-59.89S 107-17.50E.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

5. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoạt động, cấm hoạt động hàng hải

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 333/11 BIỂN ĐÔNG CẢNG VŨNG TÀU 1. BẮN ROCKET TỪ 0330 ĐẾN 0530 UTC 28 TH4 ĐẾN 03 TH5 11. KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC THIẾT LẬP NHƯ SAU: A. 10–20N 117–45E. B. 10–20N 127–30E. C. 10–10N 117–45E. D. 10–10N 127–30E. YÊU CẦU CÁC TÀU TRÁNH XA KHU VỰC NÀY. 2. THÔNG BÁO NÀY ĐƯỢC HỦY BỎ LUC 030630 UTC TH5 11.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier 2. General area 3. Locality 4. Chart number 5. Key subject 6. Geographical position 7. Amplifying remarks 8. Cancellations details	NAVAREA XI 333/11 SOUTH CHINA SEA. PORT OF VUNG TAU 1. ROCKET LAUNCHING SCHEDULED 0330 TO 0530 UTC 28 APR TO 03 MAY 11. FOLLOWING RANGE CLEARANCE AREA ESTABLISHED: A. 10–20N 117–45E. B. 10–20N 127–30E. C. 10–10N 117–45E. D. 10–10N 127–30E. VESSELS TO REMAIN CLEAR OF THIS AREA. 2. CANCEL THIS MESSAGE 030630 UTC MAY 11.

6. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về việc yêu cầu chuyển hướng, tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo 2. Khu vực bao quát chung 3. Khu vực địa phương 4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng 5. Nội dung chính của thông báo 6. Vị trí địa lý 7. Các chú ý 8. Hủy bỏ nội dung thông báo	KHU VỰC XI 151/11 VỊNH HẠ LONG CẢNG HẢI PHÒNG 1. CẢNG HẢI PHÒNG TẠM NGƯNG HOẠT ĐỘNG ĐỂ CHUẨN BỊ PHÒNG CHỐNG BÃO MEGI. TẤT CẢ CÁC VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỪ ĐẢO CÁT HẢI TỚI CẦU BÍNH ĐÃ ĐƯỢC THIẾT LẬP VÀNH ĐAI. KHÔNG TÀU NÀO ĐƯỢC PHÉP RA VÀO HAY ĐI QUA LUỒNG CẢNG BIỂN KHI KHÔNG CÓ SỰ CHO PHÉP CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI HẢI PHÒNG. 2. LIÊN LẠC VỚI CẢNG VỤ HÀNG HẢI HẢI PHÒNG ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN MỚI NHẤT.

Message Element	Example 1
1. Message series identifier 2. General area 3. Locality 4. Chart number 5. Key subject 6. Geographical position 7. Amplifying remarks 8. Cancellations details	NAVAREA XI 151/11 HALONG BAY. HAI PHONG PORT. 1. THE PORTS FOR HAI PHONG HAVE BEEN CLOSED UNTIL FURTHER NOTICE IN PREPARATION FOR THE ANTICIPATED IMPACT OF STORM MEGI. ALL INLAND WATERS FROM CAT HAI ISLAND TO BINH BRIDGE BOUNDARY HAS BEEN ESTABLISHED. NO VESSEL MAY ENTER, DEPART OR TRANSIT WITHIN THIS ZONE WITHOUT THE PERMISSION OF THE MARITIME ADMINISTRATION OF HAI PHONG. 2. CONTACT MARITIME ADMINISTRATION OF HAI PHONG FOR UPDATED INFORMATION.

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3491 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2015*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 2262
ĐẾN ngày 21/4/15
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ Công văn số 5790/BCT-KH ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh mục này làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và Hiệp hội ngành nghề tiếp tục đề xuất với Bộ Công Thương để điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT; Y tế; GTVT; TT&TT; XD; KHCN;
- Ngân hàng Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các TĐ, TCT 90,91, CT thuộc Bộ;
- Website BCT;
- Lưu: VT, KH (3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Quốc Hưng

Phụ lục

DANH MỤC BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3491 /QĐ-BCT ngày 13 / 4 /2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mã số theo biểu thuế (*)				Tên mặt hàng	Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật
Nhóm	Phân nhóm				
2523	90	00		Xi măng G-HSR	Xi măng giếng khoan G-HSR dùng trong lĩnh vực khoan dầu khí. - Độ tách nước trong 2 giờ ≤ 5.9% - Độ bền nén của đá xi măng ở 8h,1atm, 38^0C ≥ 2.1 Mpa. - Độ bền nén của đá xi măng ở 8h,1atm, 60^0C ≥ 10.3 Mpa. - Thời gian đặc quánh: 90÷120 phút. - Độ đặc quánh 15÷30 phút đầu ≤ 30 Bc

(*). Mã HS: 2523.90.10 căn cứ theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế